TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/DS-ST
Ngày: 13 – 5 – 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha.

2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Đình Chưởng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP SGTT**

Địa chỉ trụ sở: Số 266 – 268, đường NKKN, Phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm : 1973, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Yến N, sinh năm: 1991, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ Tín dụng tiêu dùng – Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP SGTT chi nhánh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền số 33/2021/UQ-CNCM ngày 06/01/2021). (có mặt)

Địa chỉ: Số 164A, đường NTT, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Công B**, sinh năm: 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 08, đường NTT, khóm T, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn – chị Trương Yến N trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 30/8/2017 ông Phạm Công B đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, đề nghị Ngân hàng TMCP SGTT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) chi nhánh Cà Mau cấp thẻ tín dụng, hạn mức đề nghị cấp là 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất tại thời điểm cấp thẻ tín dụng là 2,15%/tháng, ông B thống nhất bị ràng buộc bởi Điều Khoản và Điều Kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP SGTT cùng với nội dung theo Giấy đề nghị nêu trên. Trên cơ sở đề nghị của ông B, ngày 30/8/2017 Ngân hàng đã đồng ý cấp tín dụng cho ông B hạn mức 50.000.000đ (bao gồm thẻ Family và thẻ Master). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch 02 thẻ với tổng số tiền 100.700.000 đồng (trong đó: Thẻ Family giao dịch với số tiền 50.700.000đ, thẻ Master giao dịch với số tiền 50.000.000 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ khi kích hoạt đến nay ông B đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 94.590.000 đồng (trong đó: Thẻ Family thanh toán với số tiền 36.110.000 đồng, thẻ Master thanh toán với số tiền 58.480.000 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều Khoản và Điều Kiện của thẻ tín dụng Sacombank.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 06/01/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đối với ông B và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 13/5/2021, ông B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 68.764.026 đồng, gồm các khoản sau:

- Đối với thẻ Family: Vốn 30.000.000 đồng, lãi trong hạn: 8.862.178 đồng, lãi quá hạn: 4.431.089 đồng.

- Đối với thẻ Master: Vốn 20.000.000 đồng, lãi trong hạn: 3.647.1726 đồng, lãi quá hạn: 1.823.587 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông B thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi với số tiền 68.764.026 đồng, yêu cầu ông B tiếp tục thanh toán lãi phát sinh với mức lãi suất theo hợp đồng đã ký từ ngày 14/5/2021 đến khi ông B thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Đối với ông Phạm Công B: Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo cho ông B đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập ông B đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông B vẫn không có mặt tại Tòa án theo Thông báo, Giấy triệu tập của Tòa án, cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông B đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông B vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, có quy định thời hạn và có lãi suất. Hợp đồng tín dụng đương sự đã ký kết được thiết lập trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận của Ngân hàng và ông B, phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng đã ký nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thấy rằng tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do ông B ký đề nghị ngày 30/8/2017, được phê duyệt ngày 30/8/2017, thiết lập giữa Ngân hàng TMCP sài Gòn Thường Tín với ông B, ông B được cấp hạn mức tín dụng 50.000.000đ đối với thẻ dụng Family và Master. Ông B đã rút tiền nhiều lần với tổng số tiền 100.700.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông B thanh toán vốn và lãi hàng tháng đúng hạn một thời gian, sau đó thì ngưng thanh toán cho đến nay. Ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán liên tiếp nhiều kỳ theo quy định tại bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT nên ngày 06/01/2021 Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ sang dư nợ gốc và tính lãi quá hạn đối với từng thẻ tín dụng là đúng theo quy định tại mục 23 của bản Điều khoản và Điều kiện nêu trên. Căn cứ vào số dư nợ gốc, lãi suất thỏa thuận, có căn cứ xác định đến ngày 13/5/2021 ông B còn nợ Ngân hàng khoản nợ với tổng số tiền vốn và lãi là 68.764.026 đồng (trong đó: nợ gốc là 50.000.000 đồng; lãi trong hạn là 12.509.350 đồng, lãi quá hạn 6.254.676 đồng). Do đó yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông B thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ vay tính đến ngày 13/5/2021 là có căn cứ chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Công B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền án phí đã dự nộp theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT.

- Buộc bị đơn ông Phạm Công B thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền 68.764.026 đồng *(Sáu mơi tám triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi sáu đồng).*

- Buộc ông Phạm Công B tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT khoản lãi phát sinh theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do ông B ký đề nghị ngày 30/8/2017, được Ngân hàng phê duyệt ngày 30/8/2017 kể từ ngày 14/5/2021 đến khi ông B thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT .

2- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm Công B phải chịu 3.438.000 đồng (chưa nộp). Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT không phải chịu án phí. Ngày 14/01/2021 Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.475.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0000510) được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3 - Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Công B vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Huyền Trân